

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Tuy Hòa
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-BGTVT ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Tuy Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam tại Tờ trình số 6636/TTr-CHK ngày 25/12/2025 về việc trình phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Tuy Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 2632/KHTC ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Tuy Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch Cảng hàng không Tuy Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Địa điểm: phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thời kỳ quy hoạch: thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: là cảng hàng không quốc nội.

4.2. Tính chất sử dụng: sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4.3. Mục tiêu quy hoạch:

a) Thời kỳ 2021-2030

- Cấp sân bay: 4C (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO).

- Công suất: khoảng 3,0 triệu hành khách/năm.

- Loại tàu bay khai thác: đến code C như A320, A321, B737 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: tiếp cận giản đơn.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp sân bay 4C (theo mã tiêu chuẩn của ICAO).

- Công suất: khoảng 5,0 triệu hành khách/năm.

- Loại tàu bay khai thác: đến code C như A320, A321, B737 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: tiếp cận giản đơn.

4.4. Quy hoạch các công trình khu bay

a) Hệ thống đường cất hạ cánh

- Thời kỳ 2021-2030: giữ nguyên đường cất hạ cánh 03/21 hiện hữu.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch đường cất hạ cánh số 2 có kích thước 2.660 m x 45 m, cách tim đường đường cất hạ cánh hiện hữu về phía Đông Nam khoảng 305 m; kích thước lề vật liệu theo quy định.

b) Hệ thống đường lăn

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch đường lăn kết nối giữa đường lăn song song vào sân đỗ máy bay; kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch hệ thống đường lăn thoát nhanh đồng bộ để kết nối giữa đường cất hạ cánh và đường lăn song song; kích thước lề vật liệu theo quy định.

c) Sân đỗ máy bay

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch mở rộng sân đỗ máy bay hiện hữu đáp ứng khoảng 11 vị trí đỗ máy bay, có dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch mở rộng sân đỗ máy bay đáp ứng khoảng 18 vị trí đỗ máy bay.

4.5. Quy hoạch các công trình bảo đảm hoạt động bay

a) *Đài Kiểm soát không lưu*: tiếp tục duy trì Đài kiểm soát không lưu hiện hữu, diện tích khoảng 1,5 ha để bảo đảm khả năng mở rộng theo nhu cầu.

b) *Hệ thống đài dẫn đường*: tiếp tục duy trì đài VOR/DME hiện hữu; quy hoạch bổ sung đài VOR/DME phục vụ khai thác đường cất hạ cánh số 2 tại vị trí phía Tây Nam, diện tích khoảng 0,6 ha.

c) *Hệ thống đèn hiệu sân bay, thiết bị dẫn đường*: quy hoạch bổ sung hệ thống đèn tiếp cận giản đơn hai đầu đường cất hạ cánh số 2; quy hoạch hệ thống đèn hiệu sân bay, hệ thống thiết bị hạ cánh (ILS) đồng bộ.

d) *Hệ thống quan trắc khí tượng tự động (AWOS)*: quy hoạch hệ thống AWOS đồng bộ với đường cất hạ cánh số 2.

đ) *Các công trình bảo đảm hoạt động bay khác*: nghiên cứu quy hoạch hệ thống giám sát đa điểm (MLAT), hệ thống tự động cảnh báo xâm nhập đường cất hạ cánh (ARIWS), hệ thống giám sát bề mặt đường cất hạ cánh, hệ thống thiết bị phát hiện và xua

đuôi chim, hệ thống cảnh báo gió đứt, ra đa thời tiết khi có nhu cầu. Vị trí cụ thể sẽ được xác định trong bước triển khai dự án.

4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung

a) Đường giao thông nội cảng

- Đường trục vào cảng hàng không: quy hoạch tuyến đường 06 làn xe, kết nối trực tiếp với tuyến đường Hùng Vương theo hướng vào nhà ga hành khách.

- Đường giao thông nội cảng ngoài sân bay: các tuyến đường kết nối từ đường trục chính tới các khu chức năng của cảng hàng không và kết nối các khu chức năng với nhau; mặt cắt ngang các tuyến đáp ứng quy mô khoảng 02 - 04 làn xe.

- Đường công vụ: quy hoạch đường giao thông chạy sát phía trong tường rào cảng hàng không theo quy định, phục vụ tuần tra, bảo đảm an ninh, an toàn.

b) Hệ thống sân đỗ ô tô

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch sân đỗ ô tô đồng bộ phía trước nhà ga hành khách T2, đảm bảo nhu cầu khai thác với công suất 3,0 triệu hành khách/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng sân đỗ ô tô đồng bộ cùng nhà ga hành khách T2, đảm bảo nhu cầu khai thác với công suất 5,0 triệu hành khách/năm.

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: quy hoạch trạm biến áp về phía Đông Nam Đài Kiểm soát không lưu, có diện tích khoảng 0,15 ha.

d) Hệ thống cấp nước: sử dụng hệ thống cấp nước sạch của địa phương; quy hoạch trạm cấp nước về phía Đông Nam Đài Kiểm soát không lưu, có diện tích khoảng 0,15 ha, mạng lưới phân phối nước theo nhu cầu sử dụng.

đ) Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước khu bay: quy hoạch dọc theo đường cất hạ cánh số 2, dẫn nước về phía Đông Bắc đổ vào cống qua đường Hùng Vương và thoát ra biển Đông. Nước tại khu vực phía Tây Nam sẽ thoát qua cống cắt ngang đường Thăng Long và đường sắt để thoát về sông Đà Rằng.

- Hệ thống thoát nước khu hàng không dân dụng: quy hoạch dọc theo các tuyến đường giao thông và thoát về mương thoát nước khu bay.

e) Hệ thống xử lý nước thải: quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không, diện tích khoảng 0,26 ha.

g) Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không, diện tích khoảng 0,1 ha.

4.7. Quy hoạch các công trình dịch vụ hàng không

a) Nhà ga hành khách

- Thời kỳ 2021-2030: quy hoạch mới nhà ga hành khách T2 về phía Tây Nam nhà ga hành khách T1 hiện hữu, công suất khoảng 3,0 triệu hành khách/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: mở rộng nhà ga hành khách T2 đạt công suất khoảng 5,0 triệu hành khách/năm.

b) Nhà ga hàng hóa

- Thời kỳ 2021-2030: kết hợp xử lý hàng hóa trong nhà ga hành khách T1.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch nhà ga hàng hóa về phía Đông Bắc, công suất khoảng 3.500 tấn/năm.

c) Cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không

- Bãi tập kết phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất: quy hoạch tại khu vực phía Đông Bắc sân đỗ máy bay, diện tích khoảng 0,67 ha.

- Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Tây Nam khu hàng không chung, diện tích khoảng 0,78 ha.

d) Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không; trạm cấp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị hàng không

- Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam của Đài Kiểm soát không lưu, diện tích khoảng 1,45 ha.

- Khu vực tra nạp nhiên liệu cho phương tiện, trang thiết bị phục vụ mặt đất: quy hoạch tại khu vực phía Đông Bắc nhà ga hàng hóa, có diện tích khoảng 0,5 ha.

đ) Cơ sở cung cấp suất ăn hàng không: quy hoạch khi có nhu cầu tại khu vực đất dự trữ phát triển.

e) Khu hàng không chung:

- Thời kỳ 2021-2030: kết hợp khai thác hàng không chung trong nhà ga hành khách T1.

- Tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch tại khu vực phía Đông Bắc sân đỗ tàu bay, có diện tích khoảng 1,57 ha.

g) Khu dịch vụ phi hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Đông Bắc nhà điều hành cảng hàng không, diện tích khoảng 1,8 ha.

4.8. Quy hoạch các công trình dịch vụ phi hàng không, các công trình khác

a) Nhà điều hành cảng hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam của khu hàng không dân dụng, diện tích khoảng 0,76 ha.

b) Trụ sở cơ quan quản lý nhà nước:

Quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam của khu hàng không dân dụng, trong đó:

- Cảng vụ hàng không: quy hoạch với diện tích khoảng 0,4 ha.

- Công an: quy hoạch với diện tích khoảng 0,4 ha.

c) Văn phòng cho thuê, trung tâm điều hành các hãng hàng không: quy hoạch tại khu vực phía Đông Nam khu hàng không dân dụng, diện tích khoảng 0,4 ha.

4.9. Quy hoạch các công trình bảo đảm an ninh sân bay, khẩn nguy cứu nạn

- Quy hoạch hệ thống hàng rào, hệ thống cổng và chốt gác đồng bộ bao quanh ranh giới đất của cảng hàng không, hàng rào bảo vệ khu bay.

- Công trình khẩn nguy sân bay đạt cấp 7 theo phân cấp của ICAO, quy hoạch trạm khẩn nguy cứu nạn phía Tây Nam sân đỗ máy bay, diện tích khoảng 1.200 m² và hệ thống đường phục vụ công tác khẩn nguy cứu nạn đồng bộ.

- Khu xử lý bom mìn: quy hoạch tại vị trí phía Đông Bắc của bãi tập kết trang thiết bị mặt đất, diện tích khoảng 0,2 ha.

4.10. Quy hoạch sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Cảng hàng không Tuy Hòa khoảng 672,74 ha, trong đó bao gồm:

- Diện tích đất khu bay dùng chung do quân sự quản lý khoảng: 271,21 ha;

- Diện tích đất do quân sự quản lý khoảng: 339,91 ha;

- Diện tích đất hàng không dân dụng quản lý khoảng: 30,51 ha;

- Diện tích đất dùng chung do hàng không dân dụng quản lý khoảng: 31,11 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Vụ Kế hoạch - Tài chính để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch và thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các bước tiếp theo;
- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch của địa phương, bảo đảm sự đồng bộ giữa các quy hoạch; tiếp tục rà soát để bảo đảm tính chính xác của số liệu, kịp thời báo cáo Bộ Xây dựng để cập nhật, điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm:

- Rà soát, cập nhật các nội dung quy hoạch nêu trên vào quy hoạch của địa phương và các quy hoạch có liên quan; tổ chức quản lý tính không, cao độ xây dựng theo quy định;
- Bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp theo Quy hoạch được duyệt, có phương án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo quỹ đất sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu phát triển mở rộng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc; Cục trưởng các Cục: Hàng không Việt Nam, Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Kết cấu hạ tầng xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Quốc phòng; Công an; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Cảng vụ hàng không miền Trung;
- Các TCT: Quản lý bay VN; Cảng HKVN;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC_{LH}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn